

Chuyển dịch năng lượng: Ai phải trả giá?

BÁO CÁO GIẢN LƯỢC

Công bằng, tài chính và sự tham gia của công chúng trong JETP của Việt Nam sau ba năm

International Rivers · tháng mười 2026

INTERNATIONAL RIVERS
people • water • life



Giới thiệu

Flooding of the Red River in Hanoi after Typhoon Yagi, 2024.
Photo courtesy of Marcus Lacey (Shutterstock).

Quan hệ Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP) của Việt Nam, được khởi động ngày 14 tháng 12 năm 2022, đến nay đã trải qua hơn ba năm. Báo cáo này xem xét những thay đổi trong cơ chế tài chính, cơ cấu quản trị, quy trình tham gia và các lộ trình chuyển dịch năng lượng kể từ báo cáo tháng 6 năm 2024 của International Rivers, Yếu tố "công bằng" còn thiếu trong Quan hệ Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng của Việt Nam, đồng thời xác định những khoảng trống quan trọng vẫn tồn tại. Báo cáo hướng đến các bên đang định hình giai đoạn tiếp theo của JETP Việt Nam: các tổ chức xã hội dân sự, ngân hàng phát triển đa phương (MDB), chính phủ các nước tài trợ, đối tác song phương và cộng đồng tài chính, hợp tác phát triển rộng lớn hơn đang hỗ trợ quá trình chuyển dịch năng lượng của Việt Nam.

Quy hoạch điện VIII điều chỉnh (PDP8),[1] được phê duyệt tháng 4 năm 2025, nâng đáng kể các mục tiêu về năng lượng tái tạo trong phát điện, truyền tải và lưu trữ, đồng thời mở rộng các hướng giảm phát thải carbon. Nhóm dự án đầu tiên được tài trợ từ JETP của Việt Nam tập trung vào hiện đại hóa lưới điện, hệ thống lưu trữ năng lượng bằng pin (BESS), công tác chuẩn bị phát triển điện gió ngoài khơi và tích hợp năng lượng tái tạo. Đây là nền tảng đầy triển vọng. Tuy nhiên, việc Việt Nam dựa vào những "giải pháp giả" — tức các công nghệ bị xem là không phù hợp hoặc không hiệu quả đối với một quá trình chuyển dịch thực chất — bao gồm mở rộng sử dụng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) nhập khẩu và khí đốt hóa thạch, thủy điện quy mô lớn và đưa điện hạt nhân vào sử dụng, đặt ra những câu hỏi lớn về độ tin cậy và định hướng chuyển dịch năng lượng của đất nước. Hơn nữa, tiến độ triển khai JETP vẫn chưa đáp ứng nhu cầu, đặc biệt về tài chính, sự tham gia thực chất của công chúng và các biện pháp bảo vệ xã hội dân sự cùng những người bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực môi trường.

Vì sao cần xem xét lại JETP? Một mặt, các cuộc xung đột tại khu vực Tây Nam Á và Bắc Phi (SWANA) và Ukraine tiếp tục gây bất ổn cho thị trường năng lượng, đồng thời thu hẹp ngân sách dành cho tài trợ chuyển dịch năng lượng công bằng. Mặt khác, Việt Nam vẫn nằm trong nhóm các quốc gia chịu rủi ro khí hậu cao nhất: đứng thứ 10 trên thế giới về mức độ ảnh hưởng của thời tiết cực đoan trong năm 2024,[2] and Ngân hàng Thế giới dự báo biến đổi khí hậu có thể làm GDP của Việt Nam giảm tới 12,5% vào năm 2050.[3] Trong bối cảnh đó, cùng với tăng trưởng kinh tế nhanh khiến nhu cầu năng lượng tăng mạnh, tham vọng trở thành quốc gia dẫn đầu khu vực về tăng trưởng xanh và đạt phát thải ròng bằng không vào năm 2050 của Việt Nam đang gặp nhiều thách thức trong thực tế.

Đánh giá tiến triển sau ba năm

Sự tham gia của công chúng

Cả sáu nhà lãnh đạo và chuyên gia môi trường bị bỏ tù trong giai đoạn 2021–2023 vì hoạt động vận động cho quá trình chuyển dịch công bằng nhằm thoát khỏi sự phụ thuộc vào than đều đã được trả tự do; một số người được thả trước khi chấp hành hết án. Đây là diễn biến đáng hoan nghênh, nhưng vẫn chưa đủ: những công việc họ từng thực hiện không thể đơn giản được tiếp tục, và trên thực tế, không gian tham gia của người dân trong lĩnh vực này vẫn bị khép lại. Các văn bản pháp luật mới, bao gồm Nghị định 126/2024 về thành lập và quản lý hội[4] và Nghị định 147/2024 yêu cầu xác thực danh tính người dùng và nhanh chóng gỡ bỏ nội dung trên các nền tảng mạng xã hội,[5] đã mở rộng sự kiểm soát của Nhà nước đối với các tiếng nói độc lập. Một cuộc tái cơ cấu lớn đối với các tổ chức quần chúng cũng đang diễn ra, với những hướng dẫn mới áp dụng cho hàng chục tổ chức, đưa ra các quy định chặt chẽ hơn về nguồn tài trợ và hoạt động giám sát.[6] Song song với đó, các vụ bắt giữ và truy tố mới đối với nhà hoạt động, luật sư và nhà báo trong nước cũng như trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài vẫn tiếp diễn.[7]

Trong bối cảnh này, khía cạnh "công bằng" của JETP đã có một số tiến triển, ít nhất trên phương diện chính thức. Kế hoạch triển khai điều chỉnh theo Quyết định 458/QĐ-TTg),[8] ký ngày 20 tháng 3 năm 2026, nêu rõ hơn yếu tố "công bằng" và lần đầu tiên hướng tới chuyển hóa yếu tố này thành một chương trình chính sách cụ thể hơn. Kế hoạch yêu cầu đánh giá có hệ thống tác động đối với người lao động và cộng đồng, kêu gọi mở rộng khả năng tiếp cận điện cho các hộ gia đình ở nông thôn và ngoài lưới điện, đồng thời quy định việc lồng ghép các yếu tố công bằng vào quy hoạch cấp quốc gia và cấp tỉnh đến năm 2030.

Những quy định này thể hiện sự chuyển biến đáng kể: từ một nguyên tắc chung, không mang tính ràng buộc, sang một hệ thống trách nhiệm và mốc thời gian cụ thể hơn, được gắn với các thiết chế thực hiện. Kế hoạch nêu rõ chuyển dịch năng lượng phải công bằng, thúc đẩy công bằng xã hội và "không để ai bị bỏ lại phía sau". Theo cách tiếp cận này, công bằng có nghĩa là bảo đảm các nhóm khác nhau cùng chia sẻ cả gánh nặng của quá trình chuyển dịch — bao gồm mất việc làm, chi phí tăng và thay đổi mục đích sử dụng đất — lẫn những lợi ích mà quá trình này mang lại. Kế hoạch cũng bao gồm cam kết đào tạo lại người lao động và hỗ trợ các cộng đồng dễ bị tổn thương.

Tuy nhiên, việc đưa một khuôn khổ công bằng vào các văn bản chính sách chính thức vẫn chưa đủ nếu thiếu không gian hoạt động thực chất cho xã hội dân sự, cơ chế triển khai hiệu quả và nguồn tài chính dành riêng. Các cộng đồng chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ quá trình chuyển dịch vẫn chưa có vai trò thực chất trong việc định hình, giám sát hoặc phản biện quá trình triển khai. Công bằng về quy trình — tức sự tham gia minh bạch, bao trùm và an toàn — vẫn còn thiếu. Điều này có nghĩa là chuyển dịch năng lượng tiếp tục được thực hiện theo cách từ trên xuống, thay vì thực sự có sự tham gia của các bên liên quan.

Quản trị

Tháng 10 năm 2024,[9] Ban Thư ký JETP được chuyển từ Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) sang Bộ Công Thương (MOIT). Dù vai trò chủ trì của Bộ Công Thương mang lại sức nặng về thể chế, chức năng của bộ này chủ yếu hướng đến đầu tư và tăng trưởng công nghiệp, thay vì các kết quả về môi trường hoặc khía cạnh công bằng của quá trình chuyển dịch. Sự thay đổi này nằm trong một cuộc tái tổ chức rộng lớn hơn nhiều đối với hệ thống quản trị của Việt Nam. Từ ngày 1 tháng 3 năm 2025, Việt Nam triển khai cuộc tái cơ cấu chính phủ lớn nhất kể từ công cuộc Đổi mới năm 1986, giảm số bộ từ 18 xuống còn 14.[10] Tiếp đó là một cuộc cải tổ mạnh mẽ tương tự ở cấp địa phương từ ngày 1 tháng 7 năm 2025, giảm số tỉnh, thành phố từ 63 xuống 34 và bãi bỏ hoàn toàn cấp chính quyền huyện. Tổng cộng, những cải cách này dẫn đến việc hơn 94.000 công chức rời khỏi bộ máy.[11]

Đồng thời, hệ thống chính trị Việt Nam tiếp tục chứng kiến sự tập trung quyền lực: Tổng Bí thư Tô Lâm được tái cử vào tháng 1 năm 2026[12] và đến tháng 4 năm 2026 cũng được bầu làm Chủ tịch nước.[13] Đồng thời, hệ thống chính trị Việt Nam tiếp tục chứng kiến sự tập trung quyền lực: Tổng Bí thư Tô Lâm được tái cử vào tháng 1 năm 2026 và đến tháng 4 năm 2026 cũng được bầu làm Chủ tịch nước,[14] trong đó bộ máy an ninh có vai trò lớn hơn trong các quyết định kinh tế và năng lượng. Những thay đổi này đặt ra lo ngại nghiêm trọng về tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tập trung quyền quyết định vào các cơ quan có chức năng ưu tiên tăng trưởng kinh tế hơn là quy trình có sự tham gia

và các kết quả về môi trường, công bằng. Các rủi ro bao gồm gia tăng độc quyền trong ngành năng lượng, gạt sự tham gia của cộng đồng ra bên lề quá trình quy hoạch, tham vấn không đầy đủ, vi phạm quyền về đất đai và bồi thường không công bằng.

Năng lượng

Quy hoạch điện VIII điều chỉnh nâng đáng kể các mục tiêu năng lượng tái tạo của Việt Nam: tăng công suất điện gió ngoài khơi lên 17 GW vào năm 2035 và 139 GW vào năm 2050; tăng công suất điện mặt trời lên tới 296 GW vào năm 2050, bao gồm cả các nhà máy nối lưới và điện mặt trời mái nhà/tự tiêu thụ. Đồng thời, quy hoạch vẫn tiếp tục dựa vào các "giải pháp giả", bao gồm mở rộng LNG nhập khẩu như một nhiên liệu chuyển tiếp, thủy điện quy mô lớn và tái khởi động điện hạt nhân,[15] với các lò phản ứng truyền thống quy mô lớn được dự kiến xây dựng tại hai địa điểm Ninh Thuận 1 và Ninh Thuận 2.[16]

Việt Nam đã từng bước xây dựng lộ trình loại bỏ điện than, được thể hiện trong Quyết định 458, với các mốc sau:

- Thí điểm ngừng vận hành khoảng 540 MW công suất điện than cũ vào năm 2030
- Đóng cửa các nhà máy không thể nâng cấp vào năm 2040
- Yêu cầu các tổ máy còn lại chuyển đổi nhiên liệu hoặc áp dụng công nghệ thu giữ carbon vào năm 2050

Tuy nhiên, an ninh năng lượng vẫn được ưu tiên hơn việc giảm phát thải carbon. Nhập khẩu than tiếp tục tăng và đạt mức kỷ lục 65,43 triệu tấn trong năm 2025.[17] Ngoài ra, cuộc khủng hoảng năng lượng do chiến tranh tại Iran năm 2026 và gián đoạn tại eo biển Hormuz gây ra đã đẩy sản lượng điện than lên mức cao kỷ lục vào tháng 4 năm 2026.[18] Việc dựa vào LNG nhập khẩu như một công nghệ được gọi là "cầu nối", cùng các "giải pháp giả" khác, không giải quyết được sự phụ thuộc mang tính cơ cấu vào nhiên liệu hóa thạch; trái lại, còn kéo dài vòng đời của các hệ thống khai thác tài nguyên và làm trầm trọng thêm các rủi ro sinh thái, kinh tế và xã hội.

Điều này cho thấy tình trạng thiếu nhất quán trong chính sách, cũng có thể quan sát thấy ở lĩnh vực điện gió ngoài khơi của Việt Nam. Dù Việt Nam có hàng chục trang trại điện gió trên bờ và gần bờ đang hoạt





Top: Nearshore windfarm in Go Cong, Vietnam. Photo courtesy of Nguyen Minh Tuuu (Shutterstock). **Bottom: Coal workers on bicycles travel to work in open cast coal mine in Thai Ngyuyen Province.** Photo courtesy of Nature Vietnam (Alamy).

động, chưa có dự án điện gió ngoài khơi nào đi vào vận hành thương mại. Tình trạng thiếu rõ ràng kéo dài trong các quy định, khuôn khổ pháp lý phân tán giữa nhiều bộ và khuôn khổ hợp đồng mua bán điện[19] chưa đáp ứng yêu cầu đã khiến các nhà phát triển quốc tế lớn — bao gồm Equinor, Ørsted và Enel — rút lui hoặc thu hẹp đáng kể hoạt động. Thay vào đó, các dự án trong tương lai ngày càng được phân bổ lại cho doanh nghiệp nhà nước và các tập đoàn tư nhân có quan hệ rộng, nổi bật là EVN, Petrovietnam và Viettel. Xu hướng này phản ánh "liên minh Đảng–Nhà nước–doanh nghiệp"[20] đã ăn sâu, tiếp tục định hình nền kinh tế chính trị của Việt Nam và hướng phát triển của ngành năng lượng.

Tài chính

JETP đã huy động được các cam kết ban đầu trị giá 15,5 tỷ USD. Khoản này đáp ứng khoảng 11% trong tổng nhu cầu ước tính 136,3 tỷ USD đến năm 2030 để triển khai quy hoạch phát triển điện lực của Việt Nam.[21] Viện trợ không hoàn lại chỉ chiếm khoảng 2% tổng nguồn tài chính, hoặc khoảng 4% các cam kết từ khu vực công; phần lớn nguồn vốn được thiết kế dưới hình thức khoản vay ưu đãi hoặc khoản vay theo lãi suất thị trường.

Việc Hoa Kỳ rút khỏi khuôn khổ JETP vào tháng 3 năm 2025 đã làm mất đi hơn 3 tỷ USD nguồn tài chính cam kết cho Việt Nam và Indonesia, qua đó làm suy giảm sức nặng chính trị của JETP, dù Liên minh châu Âu (EU) và các thành viên khác của Nhóm Đối tác Quốc tế (IPG) đã tái khẳng định cam kết bù đắp một phần khoảng trống này. Tuy nhiên, các cam kết được công bố của EU và các quốc gia thành viên, trị giá khoảng 2,8 tỷ EUR[22] cũng chỉ bao gồm 142 triệu EUR viện trợ không hoàn lại, tương đương khoảng 5%; phần còn lại được thiết kế dưới dạng khoản vay và hỗ trợ kỹ thuật.[23] Trong khi đó, nguồn tài chính khu vực và song phương, đặc biệt từ Trung Quốc và Hàn Quốc, đang góp phần lấp khoảng trống do Hoa Kỳ rút lui, nhưng chủ yếu tập trung vào chuyển giao công nghệ, năng lực công nghiệp và an ninh năng lượng, thay vì nguồn tài chính ưu đãi hướng đến công bằng.

Mô hình tài chính này phản ánh một mâu thuẫn cơ cấu sâu xa hơn liên quan đến khái niệm "Đồng thuận Phố Wall":[24] một mô hình phát triển trong đó cơ sở hạ tầng xanh được nhìn nhận như một loại tài sản đầu tư hơn là một hàng hóa công. Theo mô hình này, nguồn vốn công, bảo lãnh và các công cụ giảm rủi ro được sử dụng để bảo đảm lợi nhuận cho khu vực tư nhân, thay vì tài trợ những công việc cần thiết về mặt xã hội nhưng kém hấp dẫn về thương mại trong quá trình chuyển dịch "công bằng". Những công việc đó bao gồm đào tạo lại người lao động, khắc phục các tác động đối với cộng đồng và hỗ trợ khoảng 50.000–70.000 lao động đang làm việc trong ngành khai thác than và phát điện. Nói cách khác, mô hình tài chính JETP hiện nay tiếp tục khuyến khích tập trung vào các dự án có khả năng được cấp vốn và tạo doanh thu, chẳng hạn điện mặt trời quy mô lớn, trong khi những biện pháp thiết yếu cho chuyển dịch công bằng lại thiếu kinh phí vì ít sinh lợi hơn.

Những thách thức này càng trở nên nghiêm trọng do "nút thắt về khả năng huy động vốn" kéo dài, khi nhiều dự án trong danh mục chuẩn bị triển khai vẫn chưa đủ hấp dẫn đối với nhà đầu tư tư nhân. Các nguyên nhân nền tảng bao gồm chênh lệch đồng tiền giữa giá bán điện tính bằng đồng Việt Nam và nguồn tài trợ tính bằng USD, sự bất định về quy định đối với hợp đồng mua bán điện và các thay đổi giá điện có hiệu lực hồi tố, ảnh hưởng đến khoảng 12 GW công suất năng lượng tái tạo tính đến tháng 3 năm 2026. Việc mở rộng điện mặt trời chậm và sự bất định quanh triển khai điện gió ngoài khơi tạo thêm rào cản. Tổng hợp lại, những yếu tố này đã làm giảm động lực đầu tư của cả khu vực công lẫn tư nhân, đồng thời khiến một số nhà phát triển quốc tế lớn thu hẹp hoạt động hoặc thậm chí rút khỏi thị trường Việt Nam.

Tại thời điểm biên soạn báo cáo này, Ban Thư ký JETP và Nhóm Đối tác Quốc tế đã xác định ít nhất 37 dự án phù hợp với định hướng JETP, với nhu cầu đầu tư ước tính khoảng 9,6–10 tỷ USD. Tuy nhiên, đến đầu năm 2026, chỉ có ba dự án được xác nhận có nguồn tài trợ: Nhà máy Thủy điện tích năng Bác Ái, dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Trị An và các trạm biến áp Bình Dương, Đồng Nai của Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT). Danh mục dự án chuẩn bị triển khai vẫn đặc biệt hạn chế trong các lĩnh vực chuyển dịch khỏi than, sử dụng năng lượng hiệu quả và giảm phát thải carbon trong giao thông vận tải.







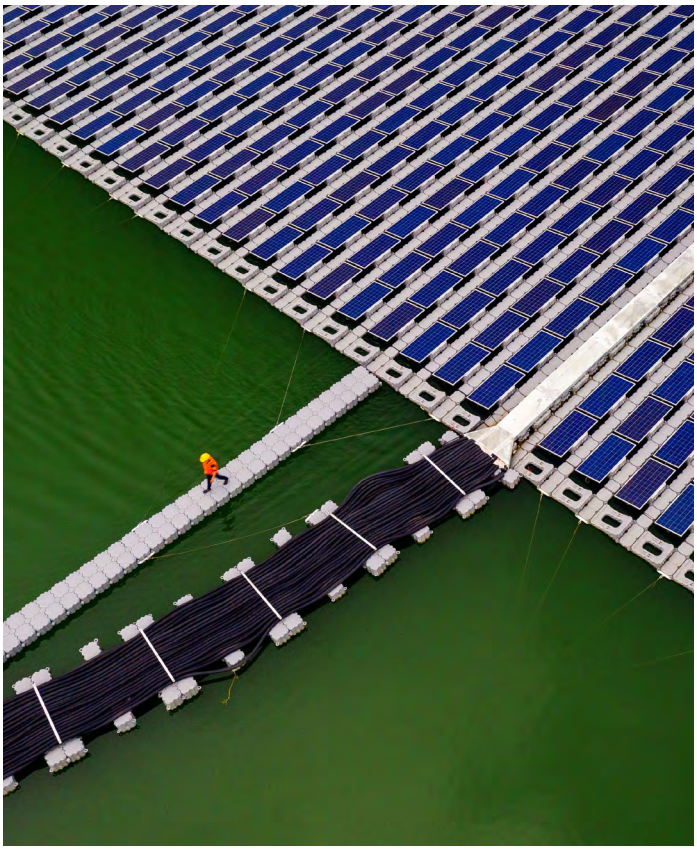

Top Left: View of coal mining across Cam Pha in Quang Ninh Province, Vietnam's primary coal region. Photo courtesy of Loner Nguyen (Shutterstock). **Bottom Left: Phu My gas, power and fertilizer plant cluster in Ho Chi Minh City, Vietnam. This plant, historically for domestic gas, is moving to include imported LNG for processing and power generation.** Photo courtesy of Nguyen Quang Ngoc Tonkin (Shutterstock). **Top Right: Lai Chau Hydropower dam in Lai Chau Province, Vietnam.** Photo courtesy of vanHuynh (Shutterstock). **Bottom Right: Floating solar panel farm in Binh Thuan, Vietnam.** Photo courtesy of Ngyyen Tan Tuan, Solent News (Shutterstock).

Khung thông tin: Đánh giá tiến triển đối với các khuyến nghị trong báo cáo năm 2024 về yếu tố "công bằng" còn thiếu

- Việc **trả tự do cho những người bảo vệ môi trường bị bỏ tù** là một diễn biến tích cực nhưng chưa trọn vẹn. Dù đáng hoan nghênh, việc này chưa đi kèm tiến triển thực chất trong việc tạo điều kiện để xã hội dân sự tham gia tự do và an toàn. Các quy định pháp luật gần đây tiếp tục thu hẹp không gian hoạt động của xã hội dân sự.

- Việc **xây dựng các nguyên tắc rõ ràng, bao quát** cho chuyển dịch công bằng, phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người, lao động và môi trường, vẫn chưa được hoàn thành. Quyết định 458 đưa ra một chương trình cụ thể hơn, nhưng các quy định không mang tính ràng buộc và chưa được thực thi hiệu quả. Tương tự, chưa có sự chuyển biến đáng kể trong các cam kết tài chính JETP theo hướng tăng viện trợ không hoàn lại. Nguồn viện trợ này vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ, trong khi mức độ chịu rủi ro liên quan đến nợ vẫn cao.

- Các cơ **chế đối thoại, phối hợp và minh bạch** giữa các đối tác JETP chưa được củng cố một cách thực chất. Ở một số khía cạnh, lo ngại còn gia tăng sau các thư chung nêu cáo buộc do các cơ chế Thủ tục Đặc biệt của Liên Hợp Quốc gửi tới Chính phủ Việt Nam và các định chế tài chính phát triển liên quan đến JETP. Những văn bản này nhấn mạnh các vấn đề tiếp diễn liên quan đến quyền con người, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của công chúng.

- Tiến triển trong **loại bỏ điện than và đầu tư năng lượng tái tạo còn đan xen** giữa mặt tích cực và hạn chế. Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và Luật Điện lực mới tạo ra một khuôn khổ chính sách thuận lợi hơn, nhưng việc ngày càng dựa vào những gì các nhà phê bình gọi là "giải pháp giả" vẫn là trở ngại lớn đối với việc thực hiện các cam kết loại bỏ nhiên liệu hóa thạch một cách đáng tin cậy.

- Các cơ chế giám sát cũng phát triển không đồng đều. Dù cổng thông tin JETP chính thức đã được ra mắt, việc chuyển vai trò chủ trì Ban Thư ký sang một bộ **chủ yếu tập trung vào đầu tư và tăng trưởng kinh tế** có thể tiếp tục làm suy giảm sự quan tâm dành cho các vấn đề xã hội và môi trường.



Kết luận và Khuyến nghị

Flooding of the Red River in Hanoi after Typhoon Yagi, 2024.
Photo courtesy of Marcus Lacey (Shutterstock).

Báo cáo này đặt ra câu hỏi: *Kinh nghiệm của Việt Nam cho chúng ta biết điều gì về việc thiết kế các cơ chế tài chính khí hậu công bằng và hiệu quả, cả trong nước lẫn ở những nơi khác?*

Quá trình chuyển dịch năng lượng của Việt Nam phản ánh một mâu thuẫn cốt lõi. Đất nước đã đạt những tiến bộ đáng kể về năng lượng tái tạo, đặt ra các mục tiêu đầy tham vọng và xây dựng lịch trình dự kiến để loại bỏ điện than — gần đây được tái khẳng định trong Quyết định 458 và Quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Tuy nhiên, việc triển khai vẫn phụ thuộc rất lớn vào quyết tâm chính trị. Việc trả tự do cho những người bảo vệ môi trường được công chúng biết đến rộng rãi chưa dẫn đến sự khôi phục không gian hoạt động của xã hội dân sự. Các cam kết công khai về đào tạo lại người lao động và hỗ trợ cộng đồng dễ bị tổn thương, dù được thể hiện rõ hơn trong Quyết định 458, vẫn chưa đi kèm cơ chế thực hiện cụ thể hoặc nguồn tài chính dành riêng.

Việc loại bỏ điện than kịp thời và công bằng vẫn khả thi, nhưng còn lâu mới được bảo đảm — và càng khó xảy ra nếu khía cạnh công bằng bị gạt bỏ để ưu tiên lợi ích của nhà đầu tư tư nhân và rơi vào cái bẫy chỉ chú trọng khả năng huy động vốn. **Quá trình thoát khỏi điện than chỉ có thể bền vững nếu được xã hội chấp nhận, có đủ nguồn lực tài chính và được giám sát bằng các thiết chế phù hợp. Nhiệm vụ hiện nay là bảo đảm những cam kết trên giấy trở thành hiện thực có nguồn tài trợ và trách nhiệm giải trình.**

JETP và chính sách năng lượng rộng hơn của Việt Nam cần được điều chỉnh về định hướng chiến lược. Nếu không, đất nước có nguy cơ đầu tư vào cơ sở hạ tầng khiến các gánh nặng về ngân sách, xã hội và môi trường bị duy trì lâu dài, làm suy yếu cả mục tiêu khí hậu lẫn công bằng. Việc khôi phục độ tin cậy và hiệu quả phải bắt đầu từ **bảo vệ không gian hoạt động của xã hội dân sự:** sự tham gia thực chất đòi hỏi các biện pháp bảo vệ khỏi trả đũa, quy trình tham vấn bao trùm và cơ chế giải quyết khiếu nại mang tính ràng buộc. Việc hiện thực hóa yếu tố "công bằng" trong JETP phụ thuộc vào sự hiện diện của xã hội dân sự độc lập.

Điều này cũng đòi hỏi **cân đối lại cơ cấu nguồn tài chính.** Cần mở rộng viện trợ không hoàn lại, khoản vay ưu đãi và bảo lãnh để khắc phục khoảng trống về khả năng huy động vốn mà không làm tăng thêm gánh nặng nợ quốc gia. Việc quá phụ thuộc vào các khoản vay theo lãi suất thị trường có nguy cơ biến JETP thành một hình thức tài chính thương mại được đổi nhãn thành "xanh". Các cơ chế đổi mới, bao gồm tín chỉ chuyển dịch, trái phiếu xanh và các công cụ khu vực như chứng chỉ năng lượng tái tạo xuyên biên giới, cần được thử nghiệm song song với các sáng kiến của khu vực công. Những cơ chế này cần dựa trên một hệ thống

phân loại đầu tư xanh toàn diện, xác lập các tiêu chí rõ ràng và nhất quán cho đầu tư xanh thông qua quy trình minh bạch, có sự đóng góp thực chất của các bên liên quan.

Để thực hiện những cam kết này, cần **tăng cường phối hợp** giữa các nhà tài trợ và thống nhất các yêu cầu tài chính giữa các đối tác — bao gồm thông qua sáng kiến Global Gateway của EU — đồng thời chủ động theo dõi việc tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG) đã thống nhất, với các hệ quả rõ ràng khi có vi phạm. Các biện pháp bảo vệ và tính minh bạch cần được tích hợp ngay từ đầu vào thiết kế và triển khai dự án, bao gồm đánh giá tác động đối với quyền con người, thẩm định trách nhiệm về môi trường và xã hội, cùng giám sát độc lập ở bất cứ nơi nào khả thi.

Một **danh mục dự án chuẩn bị triển khai minh bạch,** với các mốc rõ ràng, phương án huy động vốn và phương án dự phòng, sẽ củng cố niềm tin của nhà đầu tư, tạo điều kiện cho xã hội dân sự tham gia và giảm sự bất định trong triển khai. Dù kế hoạch giảm dần điện than đã được đưa vào thỏa thuận JETP, một chiến lược loại bỏ điện than đáng tin cậy vẫn cần làm rõ hơn trình tự thực hiện, mối liên hệ với nguồn tài chính và các cơ chế triển khai để xây dựng lòng tin giữa mọi đối tác.

Kinh nghiệm của Việt Nam mang lại những bài học rộng hơn cho việc thiết kế các Quan hệ Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng và các nền tảng hợp tác cấp quốc gia nói chung. Những bài học này bao gồm:

- **Cấu trúc tài chính có ý nghĩa quyết định:** Khi viện trợ không hoàn lại chiếm tỷ trọng nhỏ và phần lớn hỗ trợ dưới dạng khoản vay thương mại hoặc ưu đãi, chuyển dịch công bằng có nguy cơ bị lấn át bởi tư duy chỉ chú trọng khả năng huy động vốn. Xu hướng này cũng xuất hiện trong các JETP và nền tảng hợp tác cấp quốc gia khác.
- **Không gian hoạt động của xã hội dân sự và sự tham gia của công chúng là những yêu cầu nền tảng:** Các khuôn khổ bỏ qua hoặc hạn chế xã hội dân sự độc lập sẽ mất đi cả tính chính danh lẫn hiểu biết địa phương cần thiết để triển khai hiệu quả. Bài học này có ý nghĩa vượt xa trường hợp Việt Nam.
- **Các yếu tố kinh tế chính trị quyết định bối cảnh và thực tế triển khai:** Lợi ích cố hữu trong cơ sở hạ tầng nhiên liệu hóa thạch, liên minh Nhà nước–doanh nghiệp và sự tập trung quyền quyết định vào các bộ ưu tiên tăng trưởng là đặc điểm của nhiều nền kinh tế mới nổi. Những khuôn khổ chuyển dịch công bằng không tính đến rõ ràng các yếu tố này — thông qua các biện pháp bảo vệ mang tính ràng buộc, giám sát độc lập và sự tham gia thực chất — sẽ khó thực hiện lời hứa, bất kể quy mô tài chính huy động được.

Khi mô hình nền tảng hợp tác cấp quốc gia được mở rộng và các JETP bước vào giai đoạn triển khai then chốt, những bài học từ Việt Nam cần được các nhà tài trợ, ngân hàng phát triển đa phương và cộng đồng quốc tế quan tâm nghiêm túc.

Khuyến nghị dành cho các đối tác quốc tế

1 PHỐI HỢP SỬ DỤNG SỨC ẢNH HƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ TÀI CHÍNH ĐỂ THÚC ĐẨY CÁC TIÊU CHUẨN CHUNG.

Các chủ thể quốc tế — đặc biệt là ngân hàng phát triển đa phương và đối tác song phương — cần phối hợp sức ảnh hưởng chính trị và tài chính thông qua những nền tảng chung như Global Gateway của EU, các quan hệ đối tác giữa ngân hàng phát triển đa phương và/hoặc cơ chế đồng tài trợ, cùng các cơ chế điều phối nhà tài trợ hiện có.

Bằng cách hành động tập thể, các đối tác này có thể bảo đảm nguồn tài trợ liên quan đến JETP được gắn với các tiêu chuẩn và cam kết quốc tế, các nguyên tắc bảo vệ chặt chẽ, khuôn khổ giám sát bắt buộc, cùng các cơ chế độc lập về trách nhiệm giải trình và giải quyết khiếu nại. Các cơ chế này cần bao gồm quy trình khắc phục minh bạch, có thể được kích hoạt khi xảy ra tổn hại xã hội hoặc môi trường. Nguồn tài trợ phân tán, thiếu tiêu chuẩn chung có nguy cơ tạo ra cơ sở hạ tầng không tương thích, làm suy yếu sức ảnh hưởng và khiến việc triển khai đình trệ. Hoạt động ngoại giao phối hợp cũng cần thúc đẩy các cam kết chính trị cấp cao nhằm bảo vệ mục tiêu công bằng trước nguy cơ bị suy yếu bởi các ưu tiên đầu tư ngắn hạn.

2 BẢO VỆ VÀ TẠO ĐIỀU KIỆN CHO SỰ THAM GIA THỰC CHẤT CỦA CÔNG CHÚNG.

Sự tham gia thực chất của công chúng là điều kiện tiên quyết cho chuyển dịch công bằng. Tuy nhiên, như được ghi nhận xuyên suốt báo cáo này, không gian hoạt động

của xã hội dân sự tại Việt Nam trên thực tế vẫn bị khép lại: các tổ chức xã hội dân sự độc lập bị đóng cửa hoặc hạn chế nghiêm trọng, còn những người bảo vệ môi trường phải đối mặt với sự đàn áp có hệ thống. Các đối tác quốc tế cần xem đây là vấn đề cốt lõi đối với độ tin cậy của JETP.

Điều này có nghĩa là cần kiên trì vận động bảo vệ những người bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực môi trường và cải cách các luật, chính sách hạn chế đang khiến xã hội dân sự độc lập trên thực tế không thể tham gia quy hoạch chuyển dịch năng lượng. Mọi dự án được JETP tài trợ cần có quy trình tham vấn công chúng được kiểm chứng độc lập, kèm các biện pháp bảo vệ khỏi trả đũa. Song song với đó, các đối tác quốc tế có thể nghiên cứu phát triển những cơ chế và không gian tham gia thay thế — chẳng hạn nhóm công tác kỹ thuật và diễn đàn chuyên gia — để tạo điều kiện cho xã hội dân sự đóng góp mà không khiến các chủ thể địa phương đối mặt với nguy cơ bị trả đũa.

3 PHÂN BỔ NGUỒN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI DÀNH RIÊNG CHO CÁC BIỆN PHÁP CHUYỂN DỊCH CÔNG BẰNG KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG THU HÚT VỐN THƯƠNG MẠI.

Khi viện trợ không hoàn lại chỉ chiếm khoảng 2% gói tài chính JETP hiện nay, cấu trúc hiện tại về căn bản không phù hợp để tài trợ các khía cạnh xã hội của quá trình chuyển dịch. Các đối tác tài chính cần thúc đẩy và phân bổ viện trợ không hoàn lại cho những biện pháp không thể tạo ra lợi nhuận tài chính — như chương trình đào tạo lại, hỗ trợ thu nhập, đa dạng hóa sinh kế cho cộng đồng phụ thuộc vào than và đầu tư vào y tế, giáo dục, dịch vụ xã hội địa phương. Các khoản viện trợ này cần được gắn với những kết quả xã hội có thể đo lường và được thiết kế để tăng cường năng lực thể chế của chính quyền địa phương và xã hội dân sự trong dài hạn.

4 BẢO ĐẢM THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH PHÙ HỢP TỪNG VÙNG, VỚI SỰ THAM GIA CỦA CÁC CHỦ THỂ ĐỊA PHƯƠNG.

Các đối tác quốc tế cần ưu tiên cùng thiết kế chương trình với các nhà nghiên cứu Việt Nam, tổ chức địa phương, đại diện người lao động và chính quyền cấp tỉnh để bảo đảm các biện pháp can thiệp phù hợp với từng vùng và bối cảnh. Điều này đòi hỏi xây dựng các chương trình đào tạo lại và chiến lược sinh kế có sự khác biệt nhưng liên kết với nhau cho miền Bắc, miền Trung và miền Nam, đồng thời điều chỉnh cách tiếp cận cho khu vực đô thị và nông thôn.

Cần triển khai các dự án thí điểm để thử nghiệm cơ chế tham gia ở cấp chương trình — như hội đồng tư vấn cộng đồng, chỉ tiêu tuyển dụng lao động địa phương và dịch vụ kết nối việc làm theo kỹ năng gắn với các ngành năng lượng sạch đang mở rộng. Kết quả của các dự án thí điểm cần được nhân rộng có hệ thống thông qua các chương trình có khả năng điều chỉnh theo thực tế.

5 THÚC ĐẨY ĐỐI THOẠI MINH BẠCH VỀ CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH.

Các nhà tài trợ, ngân hàng phát triển đa phương và tổ chức phi chính phủ cần thúc đẩy, tham gia đối thoại dựa trên bằng chứng và đánh giá một cách phản biện những công cụ, sáng kiến tài chính nào thực sự hỗ trợ hoặc làm suy yếu mục tiêu chuyển dịch công bằng. Hình thức đối thoại này cần giải quyết câu hỏi ai nên chi trả cho việc gì và bằng cách nào, bao gồm vai trò tương ứng của Nhà nước, xã hội dân sự và vốn tư nhân trong tài trợ quá trình chuyển dịch, cũng như trách nhiệm tương ứng của các nước thuộc nhóm Bắc bán cầu và Nam bán cầu toàn cầu.

Các cuộc tọa đàm chính sách có thể quy tụ chuyên gia rủi ro của các ngân hàng phát triển đa phương, thành viên GFANZ và IPG, xã hội dân sự và các bên liên quan của Việt Nam để đánh giá tài chính kết hợp, các cơ chế giảm rủi ro và cơ chế thị trường carbon. Đồng thời, các cuộc tọa đàm cần xác định những động lực khuyến khích phản tác dụng, chẳng hạn duy trì lâu dài cơ sở hạ tầng hóa thạch để thu hút vốn tư nhân. Việc huy động vốn tư nhân cần đặt điều kiện là các chương trình bảo trợ xã hội đã có nguồn tài chính phải được thiết lập trước.

Khuyến nghị dành cho các nhà hoạch định chính sách Việt Nam

1 BẢO ĐẢM KẾ HOẠCH LOẠI BỎ ĐIỆN THAN CHI TIẾT VÀ KHẢ THI, GẮN VỚI CÁC BIỆN PHÁP BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI NGHỀ NGHIỆP ĐÃ CÓ NGUỒN TÀI CHÍNH.

Kế hoạch cần bao gồm các nội dung như trợ cấp thôi việc, hỗ trợ thu nhập, đào tạo lại, lựa chọn nghỉ hưu sớm và dịch vụ giới thiệu việc làm, với các khoản mục ngân

sách được xác định rõ và cơ quan thực hiện chịu trách nhiệm giải trình. Trong những chu kỳ điều chỉnh tiếp theo, kế hoạch cần hướng tới việc đưa vào chiến lược chuyển dịch công bằng ở cấp tỉnh, hoặc thậm chí cho từng nhà máy, tại các vùng phụ thuộc vào than; bao gồm chương trình đào tạo lại, các biện pháp khuyến khích đa dạng hóa kinh tế và nguồn kinh phí dành riêng.

2 ƯU TIÊN MỞ RỘNG QUY MÔ VÀ TRIỂN KHAI NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO THAY VÌ DỰA VÀO CÁC "GIẢI PHÁP GIẢ".

Việt Nam có tiềm năng năng lượng tái tạo lớn chưa được khai thác — đặc biệt về điện mặt trời, điện gió ngoài khơi và trên bờ — nhưng mức độ khai thác vẫn thấp so với các tham vọng đã công bố. Triển khai nhanh những công nghệ này là hướng đi đáng tin cậy nhất để giảm phụ thuộc vào than và cần trở thành trọng tâm của cả chính sách trong nước lẫn hỗ trợ tài chính quốc tế.

Những biện pháp kéo dài vòng đời nhà máy điện than — bao gồm đồng đốt với sinh khối, amoniac hoặc các nhiên liệu khác — không nên được xem là hướng chuyển dịch. Các cam kết xây dựng mới cơ sở hạ tầng LNG và khí đốt cần được hạn chế nghiêm ngặt: cũng như than, khí đốt là nhiên liệu hóa thạch cần được giảm dần, và việc tiếp tục ràng buộc vào cơ sở hạ tầng này trong dài hạn không phù hợp với yêu cầu giảm phát thải carbon toàn cầu. Các dự án thủy điện lớn cần được tạm dừng cho đến khi có đánh giá độc lập về tác động xã hội và sinh thái đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời có được sự đồng thuận tự nguyện, có trước và dựa trên thông tin đầy đủ (FPIC) của các cộng đồng bị ảnh hưởng.

Điện hạt nhân có những rủi ro đáng kể đã được ghi nhận rõ, bao gồm thời gian xây dựng kéo dài, chi phí cao, thách thức quản lý chất thải, rủi ro an toàn và yêu cầu quản trị nghiêm ngặt mà khuôn khổ quản lý của Việt Nam hiện chưa đủ khả năng đáp ứng. Vì vậy, chưa nên phê duyệt điện hạt nhân cho đến khi những vấn đề này được giải quyết một cách độc lập và minh bạch.

3 GẮN RÕ VIỆC LOẠI BỎ ĐIỆN THAN VỚI CÁC MỤC TIÊU MỞ RỘNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO.

Mọi lộ trình loại bỏ nhiên liệu hóa thạch đều cần xem xét việc loại bỏ trong mối liên hệ với các nguồn thay thế. Điều này cũng đúng với Việt Nam: mỗi lần đóng cửa một nhà máy điện than cần đi kèm một phương án thay thế cụ thể. Những lần điều chỉnh quy hoạch tiếp theo cần hướng tới sắp xếp trình tự ngừng vận hành điện than phù hợp với công suất năng lượng tái tạo đã được xác nhận sẽ đưa vào hoạt động. Vì vậy, với mỗi mốc ngừng vận hành nhà máy điện than, kế hoạch cần xác định nguồn phát điện thay thế, công suất và thời điểm vận hành. Điều này sẽ giúp tránh các khoảng thiếu hụt về an ninh năng lượng mà những bên phản đối loại bỏ điện than thường khai thác để trì hoãn hành động.

4 MỌI DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG LỚN CẦN ĐI KÈM QUY TRÌNH CÓ SỰ THAM GIA VÀ CÁC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG MINH BẠCH.

Dữ liệu về hợp đồng, tài chính và hiệu quả hoạt động cần được công khai để công chúng tiếp cận. Các cơ chế giải quyết khiếu nại độc lập cần cung cấp những kênh phản ánh an toàn và phản hồi kịp thời. Cần áp dụng các chỉ số công bằng có thể đo lường — bao gồm khả năng tiếp cận, khả năng chi trả, chất lượng việc làm và tác động môi trường tại địa phương — và sử dụng các chỉ số này để kích hoạt hành động khắc phục khi kết quả chưa đạt yêu cầu.



Binh Lieu district in Quang Ninh province, the region most impacted by coal production in Vietnam.
Photo courtesy of Quang Nguyen Vinh (Shutterstock).

Bảng/Sơ đồ: Các tiêu chí đánh giá chuyển dịch năng lượng công bằng

Kế hoạch chuyển dịch công bằng bắt buộc cho mỗi dự án lớn liên quan đến than — xác định người lao động, nhóm dễ bị tổn thương và cộng đồng bị ảnh hưởng; quy định cụ thể việc bồi thường, đào tạo lại và hỗ trợ sinh kế.

Đánh giá tác động xã hội trước khi triển khai — được thực hiện trước khi hoàn thiện bất kỳ kế hoạch dự án JETP nào, đủ sớm để thực sự định hình các quyết định, thay vì chỉ mang tính thủ tục nhằm hợp thức hóa những kết quả đã được định trước.

Nguồn tài chính dành riêng cho bảo trợ xã hội — có khoản mục ngân sách được phân bổ rõ ràng cho đào tạo lại, hỗ trợ thu nhập, trợ cấp thôi việc và phát triển cộng đồng tại các khu vực phụ thuộc vào than.

Tham vấn thường xuyên — với các bên liên quan, bao gồm tổ chức phi chính phủ và giới truyền thông.

Cơ chế tham gia thực chất — bao gồm các quy trình tham vấn thường xuyên với người lao động bị ảnh hưởng, công đoàn, các nhóm phụ nữ, lao động phi chính thức, cộng đồng bản địa và cộng đồng địa phương trước và trong suốt quá trình triển khai; có phản hồi bằng văn bản đối với các quan ngại của công chúng.

Cơ quan giám sát độc lập — một nền tảng chuyển dịch công bằng có sự tham gia của nhiều bên, bao gồm chính phủ, xã hội dân sự, đại diện người lao động và các chủ thể trong ngành điện, để giám sát triển khai và theo dõi việc thực hiện cam kết.

Biện pháp bảo đảm khả năng chi trả — hỗ trợ hóa đơn tiền điện có mục tiêu, tạo điều kiện tiếp cận năng lượng sạch cho các hộ ngoài lưới điện và bảo vệ người sử dụng có thu nhập thấp khi trợ cấp nhiên liệu hóa thạch được giảm dần.

Cách tiếp cận có tính đến nhu cầu và tác động khác nhau theo giới — sử dụng dữ liệu phân tách theo giới tính, các biện pháp hỗ trợ có mục tiêu và chương trình việc làm có tính đến yếu tố giới; theo dõi số việc làm bị mất và được tạo ra, mức độ tham gia đào tạo lại, khả năng chi trả của hộ gia đình, điện khí hóa nông thôn, giải quyết khiếu nại và chi tiêu xã hội gắn với các biện pháp chuyển dịch.

Chú thích cuối

1 Government of Vietnam. (2025). *Power Development Plan 8* (Decision 768/QĐ-TTg).

2 Adil, L., Eckstein, D., Künzel, V., & Schäfer, L. (2025, November). *Climate Risk Index 2026: Who suffers most from extreme weather events?* Germanwatch e.V. https://www.germanwatch.org/sites/default/files/2025-11/CRI%2026%20full%20report.pdf.

3 World Bank. (2024). *Viet Nam 2045—Growing greener: pathways to a resilient and sustainable future.* https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/publication/viet-nam-2045-growing-greener-pathways-to-a-resilient-and-sustainable-future

4 FIDH. (2025, July). *Vietnam: Crackdown on civil society continues unabated. Briefing paper for the 13th EU-Vietnam human rights dialogue.* https://www.fidh.org/IMG/pdf/20250717_vietnam_eu_bp_en.pdf

5 Palatino, M. (2025, January 7). *Vietnam strengthens control of internet and civil society through new decrees. Global Voices Advox.* https://advox.globalvoices.org/2025/01/07/vietnam-strengthens-control-of-internet-and-civil-society-through-new-decrees/

6 Guidelines No. 05/HD-MTTW-BTT; see also Vietnam News Agency. (2026, January 9). *List of 29 state-assigned mass organizations approved in streamlining push.* Vietnam Law Magazine. https://vietnamlawmagazine.vn/list-of-29-state-assigned-mass-organizations-approved-in-streamlining-push-76367.html.

7 Human Rights Watch. (2026). *World report 2026: Vietnam.* https://www.hrw.org/world-report/2026/country-chapters/vietnam/

8 Government of Vietnam. (2026, March 23). *Decision 458/QĐ-TTg: Updated implementation plan for the Political Declaration on establishing the JETP.* Ministry of Industry and Trade.

9 Ministry of Industry and Trade of Vietnam. (2026, July 9). *Just energy transition: A strategic solution on the path to Net Zero.* https://moit.gov.vn/en/news/just-energy-transition-a-strategic-solution-on-the-path-to-net-zero.html.

10 Allen & Gledhill. (2025, July 8). *Significant restructuring of Vietnam government underway.* https://www.allenandgledhill.com/vn/publication/articles/30858/significant-restructuring-of-vietnam-government-underway

11 VietNamNet News. (2025, August 25). *Vietnam sees over 94,000 civil servants resign amid restructuring.* https://vietnamnet.vn/en/vietnam-sees-over-94-000-civil-servants-resign-amid-restructuring-2435647.html.

12 Hutt, D. (2026, January 26). *Vietnam bets big on To Lam's power and growth strategy. Deutsche Well.* https://www.dw.com/en/vietnam-bets-big-on-to-lams-power-and-growth-strategy/a-75664156

13 Vu, K., Nguyen, P., & Guarascio, F. (2026, April 7). *Vietnam's top leader To Lam expands power, new PM elected. Reuters.* https://www.reuters.com/world/asia-pacific/vietnam-parliament-elects-party-leader-lam-new-state-president-2026-04-07/

14 Nguyen Ngoc Nhu Quynh. (2025, December 23). *Police power rising in Vietnam's securocrat economy. Asia Times.* https://asiatimes.com/2025/12/police-power-rising-in-vietnams-securocrat-economy/

15 Klemm, J. (2022, April 6). *10 reasons why hydropower dams are a false climate solution. AlterNet.* https://www.alternet.org/2022/04/hydropower-dams-false-climate-solution; CAN Climate Action Network Europe. (2024). *Myth buster: Nuclear energy is a dangerous distraction.* https://caneurope.org/news/myth-buster-nuclear-energy/

16 Prime Minister of Vietnam, Decision No. 768/QĐ-TTg dated 15 April 2025 approving the Revised National Power Development Plan VIII for 2021–2030, with a vision to 2050 ("PDP8 revised"), via Thư Viện Pháp Luật legal database, accessed 1 September 2026, https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Quyet-dinh-768-QD-TTg-2025-Dieu-chinh-Quy-hoach-phat-trien-dien-luc-quoc-gia-thoi-ky-2021-2030-651977.aspx

17 Chaturvedi, S. (2026, January 19). *Vietnam's coal imports hit record high in 2025. Argus Media.* https://www.argusmedia.com/es/news-and-insights/latest-market-news/2777399-vietnam-s-coal-imports-hit-record-high-in-2025

18 Varadhan, S. (2026, May 12). Top Asian LNG markets boost coal use as Iran war limits supply. *Reuters*. https://www.reuters.com/business/energy/top-asian-lng-markets-boost-coal-use-iran-war-limits-supply-2026-05-12/

19 World Bank Group. (2025, June 13). *A framework for private sector-led offshore wind projects in Viet Nam: Next steps for advancing Viet Nam's offshore wind journey.* http://hdl.handle.net/10986/43331

20 Hughes, C. (2020). Transitions from state "socialism" in Southeast Asia. In The Political Economy of Southeast Asia, Palgrave Macmillan, pp. 118–125.

21 Barnes, M. (2025, April 20). Vietnam's revised Power Development Plan 8 (2025): What's changed? The Shiv. https://the-shiv.com/vietnams-revised-power-development-plan-8-2025-whats-changed/

22 European Investment Bank Group (2025, Oct 9). EU reinforces support for Vietnam's Just Energy Transition with € 430 million package. https://www.eib.org/en/press/all/2025-377-eu-reinforces-support-for-vietnam-s-just-energy-transition-with-eur430-million-package

23 Delegation of the European Union to Vietnam (2023, Nov 03). The European Union released EUR 22 million to support Viet Nam's Clean Energy Transition. https://www.eeas.europa.eu/setp-22-million_en

24 Gabor, D. (2021). The Wall Street Consensus. Development and Change, 52(3), 429–459.


INTERNATIONAL
RIVERS
people • water • life